

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ - PT

Ngày: 19- 3-2021

V/v: Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp  
nuôi con sau khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thủy

*Các thẩm phán:* Bà Lê Thị Dung

Bà Lê Thị Hiệu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Phi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:** Bà Cù Thị Ngọc – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2021/TLPT-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2020/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2021/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu T - sinh năm: 1994 (có mặt).

Địa chỉ: phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Chị Cao Thị B - sinh năm: 1998 (có mặt)

Địa chỉ: phường C, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Trần Văn H – Luật sư thuộc Công ty TNHH MTV 36 & cộng sự thuộc đoàn luật sư tỉnh Thanh Hóa - có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ly hôn được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Hữu T trình bày:*

Anh và chị Cao Thị B kết hôn, Tòa án nhân dân thành phố S giải quyết ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 28/2017/QĐST- HNGĐ ngày 13/4/2017. Quá trình chung sống vợ chồng có 2 con chung là Nguyễn Cao Thảo V sinh ngày 21/3/2015 và Nguyễn Trọng H sinh ngày 20/10/2016. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn có công nhận sự thỏa thuận của vợ chồng anh như sau: Giao chị B trực tiếp nuôi cả hai con cho đến khi cháu V đủ 36 tháng tuổi thì giao cháu V lại cho anh trực tiếp nuôi. Hiện nay cháu V đang ở với anh. Chị B đã đi lấy chồng, sinh sống cùng gia đình nhà chồng tại phường C và giao cháu H lại cho mẹ đẻ chị B là bà Nguyễn Thị Mười nuôi dưỡng, ở chung với gia đình anh trai chị B. Chị B đã chuyển khẩu của cháu H vào chung với khẩu nhà bà Mười còn chị B thì tách khẩu của mình về với gia đình nhà chồng tại phường C. Hiện tại chị B đang mang thai và chuẩn bị sinh con. Như vậy, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H là không đảm bảo. Đối với anh, hiện nay anh sống chung cùng bố mẹ đẻ, chưa lập gia đình mới, mức thu nhập của anh ổn định mỗi tháng hơn 10 triệu đồng, anh hoàn toàn có điều kiện về mọi mặt tốt hơn chị B để đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H. Vì vậy, anh tha thiết đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và nếu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H anh không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con.

*Chị Cao Thị B trình bày:* Về việc ly hôn, số con chung, tên tuổi các con cũng như thỏa thuận của vợ chồng về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn chị hoàn toàn thống nhất như trình bày của anh T. Hiện nay cháu V đang ở cùng anh T còn cháu H do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Nay chị lập gia đình mới và chuẩn bị sinh con nhưng chị sống cùng và có sự hỗ trợ của gia đình nhà chồng. Hiện nay chị cũng có việc làm tại nhà hàng và có thu nhập mỗi tháng hơn 6 triệu đồng nên chị vẫn có điều kiện đảm bảo có thể nuôi dưỡng cháu H. Vì vậy, chị không đồng ý giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương khu phố H, phường T, thành phố S cho biết: Cháu Nguyễn Trọng H là cháu ngoại bà Nguyễn Thị Mười, cháu H có đăng ký hộ khẩu tại nhà bà Mười, khu phố H, phường T. Sau khi chị B ly hôn với anh T thì chị B cùng cháu H về ở với bà Mười, sau đó chị B lấy chồng mới tại phường C. Thời gian đầu chị B đi lấy chồng mới thì cháu H vẫn ở với bà ngoại tuy nhiên hiện tại cháu H ở với ai địa phương không nắm được.

**Tại Bản án số 33/2020/HNGĐ-ST ngày 16/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố S đã quyết định:**

*Căn cứ vào:* Khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 273 BLTTDS. Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 luật HN và GD. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14.

*Xử:* Chấp nhận khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh Nguyễn Hữu T.

Giao con chung của anh Nguyễn Hữu T và chị Cao Thị B là cháu Nguyễn Trọng H sinh ngày 20/10/2016 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con, chị B có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

\* Ngày 28/12/2020, chị Cao Thị B có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm số: 33/2020/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố S. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho chị B được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Trọng H, không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con, anh T có quyền thăm nom cháu H không ai được cản trở.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của chị B vì chị B có nơi ở cùng chồng mới ổn định, có thu nhập, chị vẫn chăm sóc cháu H tốt về mọi mặt.

Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án cấp phúc thẩm đã tuân theo quy định của BLTTDS. Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của chị Cao Thị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Xét nội dung kháng cáo: Anh T và chị B đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu H là chính đáng, tuy nhiên việc giao cháu H cho ai nuôi phải trên cơ sở đảm bảo quyền lợi về mọi mặt từ vật chất đến tinh thần cho cháu H có thể phát triển một cách tốt nhất. Thấy rằng, hiện nay chị B đã lập gia đình mới, chị sống chung với gia đình nhà chồng, mặc dù theo tài liệu chứng cứ chị giao nộp chị có công việc, thu nhập từ 6- 8 triệu đồng mỗi tháng tại nhà hàng, nhưng không có hợp đồng lao động, vì vậy, không thể coi là công việc ổn định. Mặt khác, chị B mới sinh con với chồng mới được ba tháng tuổi, thu nhập của chị chắc chắn bị gián đoạn trong thời gian sinh con và nuôi con nhỏ. Hơn nữa, trong thời gian chị sinh và nuôi con chị sẽ không thể đảm bảo về mặt sức khỏe, thời gian để chăm sóc cháu H. Như vậy có thể khẳng định trong giai đoạn hiện tại việc giao cháu H cho chị B chăm sóc sẽ không đảm bảo mọi mặt về vật chất, về tinh thần cho cháu H. Đối với anh T, hiện tại anh chưa lập gia đình mới, anh ở chung với bố mẹ đẻ là ông bà nội của cháu H, mặt khác anh có công việc ổn định tại Công ty TNHH vận tải và du

lịch Hải Hạnh, có hợp đồng lao động dài hạn 3 năm, thu nhập ổn định mỗi tháng hơn 10 triệu đồng.

Tại cấp phúc thẩm, bố mẹ đẻ anh T là ông Nguyễn Hữu Tính và bà Nguyễn Thị Thắng có đơn trình bày nguyện vọng có đủ điều kiện kinh tế và tinh thần để giúp anh T dạy con tốt (có xác nhận của chính quyền địa phương). Chị B cung cấp các tài liệu, chứng cứ mới là Đơn xin xác nhận nơi học của cháu H, Đơn xin xác nhận của công an phường nơi cư trú của chị B thể hiện cháu H đang ở với chị B và đơn xin được nuôi con riêng của anh Vũ Như Hải (chồng mới của chị B). Tuy nhiên, xét về mọi mặt thì chị B không có đầy đủ điều kiện chăm sóc cháu H như anh T.

Từ phân tích trên việc Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật và đảm bảo quyền lợi chính đáng của cháu H nên không chấp nhận kháng cáo của chị B về việc hủy án sơ thẩm và giao cháu H cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí DSPT: Vì kháng cáo không được chấp nhận nên chị Cao Thị B phải chịu án phí phúc thẩm; căn cứ khoản 1 Điều 29 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\* Căn cứ: Khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

\* Căn cứ: Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Cao Thị B.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 33/2020/HNGĐ-ST ngày 16/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố S.

Xử: Chấp nhận khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh Nguyễn Hữu T.

Giao con chung của anh Nguyễn Hữu T và chị Cao Thị B là cháu Nguyễn Trọng H sinh ngày 20/10/2016 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con, chị B có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Cao Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 4182 ngày 04/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S (chị B đã nộp đủ tiền án phí DSPT).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Tòa án Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- Tòa án ND thành phố S;
- Chi cục THADS thành phố S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Lê Thị Thủy**